

Bản án số: 50/2023/DS-PT

Ngày: 14/8/2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, ông Lê Quý My

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2023/DS-PT ngày 21/6/2023 về việc kiện Tranh chấp quyền sử dụng đất

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐ - PT ngày 28/7/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ninh Thị T, sinh năm 1934; địa chỉ: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Tiến L, sinh năm 1968 và chị Hà Thị Đ, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: Thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Trường T1 - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt T2, Chức vụ Giám đốc Chi nhánh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ninh Thị T, đại diện theo uỷ quyền anh Hoàng Tiến L, chị Hà Thị Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 222 và thửa đất số 223 do bà T khai phá từ khoảng năm 1958 đến năm 1961, thửa đất số 59 bà mua lại (chuộc lại) của người khác (cùng giai đoạn này). Đến khoảng năm 1968 bà có đưa ruộng đất công hữu vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Khoảng năm 1992 – 1993 khi Hợp tác xã nông nghiệp không điều hành được, các hộ gia đình nhận lại ruộng đất của mình, bà T đã nhận lại ruộng đất trước đây đã công hữu vào hợp tác xã để canh tác trong đó có các thửa đất trên.

Ngày 04/10/1993 bà T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất theo mẫu, được Hội đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã B đóng dấu xác nhận. Trong đơn kê khai các thửa đất đã nhận lại, đang canh tác có các thửa đất đang tranh chấp gồm: Thửa 20, diện tích 510m²; Thửa 21 diện tích 300m², (thuộc xứ đồng Cửa Thường); Thửa 37, diện tích 1140m², (thuộc xứ đồng Năm Bung); các thửa đất trên đều thuộc tờ số 7, bản đồ giải thửa (bản đồ 299)

Sau khi canh tác một thời gian bà T cho vợ chồng con gái là Hoàng Thị H, Nguyễn Đức M mượn canh tác, việc cho mượn chỉ nói miệng, không lập giấy tờ gì, năm 2000 bà đã lấy lại toàn bộ để canh tác. Ngày 10/5/2000 bà T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ngày 27/6/2000 được Ủy ban nhân dân xã B hướng dẫn viết đơn kê khai, trong đó có các thửa đất đang tranh chấp như đã kê khai năm 1993. Cùng ngày 27/6/2000 Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ tiến hành kiểm tra thực địa. Tại biên bản kiểm tra thực địa ghi "... *khu đất trên không có tranh chấp, mốc giới đã rõ ràng, thuộc tờ bản đồ số 07, số thửa 20, 21, 22, 32, 37, diện tích 4325 (thuộc bản đồ 299)*". Sau khi kiểm tra thực địa, đơn được Hội đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã B đóng dấu xác nhận.

Khi đo đạc bản đồ địa chính, thửa đất số 21 có số hiệu thửa 223 diện tích 315 m²; thửa 37 có số hiệu thửa 59, diện tích 1.157 m²; thửa 20 được tách ra làm 02 thửa có số hiệu thửa là thửa 211 diện tích 188 m² và thửa 222 diện tích 335 m². Sau khi lấy lại 03 thửa ruộng từ bà H, ông M bà T canh tác một thời gian thì cho một số người cấy rẽ đối với thửa đất số 20 và thửa đất số 21 còn thửa đất số 37 bà canh tác. Năm 2021 vợ chồng ông M, bà H mới chiếm giữ để sử dụng đến nay.

Năm 2015 bà T biết bà H, ông M tự ý kê khai, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên. Bà T đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Đ. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, ngày 24/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, đại diện Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T, đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ; đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ; đại diện Ủy ban nhân dân xã B đã có biên bản làm việc hướng dẫn bà Ninh Thị T thực hiện kê khai đăng ký cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất bà T đang sử dụng gồm: Thửa 175, 58, 59 tờ bản đồ số 30, thửa 211, 219, 222, 223 tờ bản đồ số 22, bản đồ địa chính xã B. Ngày 08/5/2017 Ủy ban nhân dân xã B tiến hành niêm yết việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T theo quy định. Ngày 11/5/2017 bà Hoàng Thị H làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã B đề nghị xem xét lại việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T đối với 03 thửa đất số 222, 223, 59 với lý do 03 thửa đất này nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị H năm 1994 đến nay gia đình bà vẫn sử dụng.

Năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện Đ quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hoàng Thị H năm 1994, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Đức M năm 1998 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lại, cấp đổi theo bản đồ địa chính cho ông M năm 2009.

Bà T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H và ông M phải trả cho bà thửa đất số 222, tờ bản đồ số 22, diện tích 335m²; Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 22, diện tích 315m²; Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.157m².

Bị đơn bà Hoàng Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức M trình bày:

Các thửa đất bà T tranh chấp nêu trên do ông nội của bà H là Quan Hán M1 cho (ông Quan Hán M1 đã chết năm 1992), khi cho chỉ nói miệng, không lập giấy tờ gì. Sau khi được ông nội cho các thửa đất, vợ chồng bà canh tác trồng lúa trên cả 03 thửa đất và nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, bà T trình bày do khai hoang và mua của người khác là không đúng. Năm 1994 bà H được cấp sổ bìa xanh (sổ thuế nông nghiệp) mang tên Hoàng Thị H, đến năm 1998 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đức M (chồng bà H). Từ năm 2000 vợ chồng bà cho anh Hoàng Tiên L, là em cậu mượn làm đến năm 2009 được cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ theo bản đồ địa chính vẫn mang tên Nguyễn Đức M. Năm 2015 bà T khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông bà trả lại các thửa đất trên, ông bà không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với 03 thửa đất đang tranh chấp, ông M, bà H thế chấp tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Đ để vay tiền. Ngày 30/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Định Hóa có thông báo số 141/TB- TA về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án. Ngày 10/4/2023 Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Đ có văn bản gửi Tòa án, nội dung: Ngày 03/4/2023 Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Đ đã trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 241754, ký ngày 10/4/2009 cho ông Nguyễn Đức M2, Ngân hàng không cử đại diện tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Ngày 11/4/2023 ông Nguyễn Đức M đã nộp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định:

Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 22, diện tích sử dụng là 335,0m²; Thửa 223, tờ bản đồ số 22, diện tích 315m², trừ đi phần làm đường bê tông nội đồng 17,2m², diện tích sử dụng là 297,8m², bà H, ông M đang trồng cỏ voi. Thửa đất số 59, tờ bản đồ 30, diện tích sử dụng là 1.157m², bà H và ông M trồng lúa. Các thửa đất đều thuộc vị trí 1, có giá trị là 93.069.600 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 39; 147; 157; 165; 264; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; các Điều 5; 100; 101; 166 và 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị T. Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Đức M thu hoạch cây trồng trên đất trả lại cho bà Ninh Thị T thửa đất số 222, tờ bản đồ số 22, diện tích 335m²; thửa 223, tờ bản đồ 22, diện tích 315m²; thửa 59, tờ bản đồ 30, diện tích 1.157,0m².

Bà Ninh Thị T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 23/4/2023 bị đơn bà Hoàng Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 02/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, bà H cho rằng: thửa đất số 222, 223, 59 bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994, đến năm 1998, 2009 được cấp đổi sang tên chồng là ông Nguyễn Đức M. Gia đình bà H đã sử dụng liên tục các thửa đất nêu trên đến năm 2000 cho em cậu là Hoàng Tiến L mượn canh tác, năm 2015 mới phát sinh tranh chấp. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Ninh Thị T, công nhận quyền sử dụng cho gia đình bà H 03 thửa đất nêu trên.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên nội dung trình bày tại cấp sơ thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn xác định không có kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Toà án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2] Bà Ninh Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Hoàng Thị H ông Nguyễn Đức M trả lại 03 thửa đất theo bản đồ địa chính xã B, huyện Đ, gồm: Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 22, diện tích 335m²; Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 22, diện tích 315m²; Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.157m². Đối chiếu bản đồ 299, các thửa đất tranh chấp là thửa số 21, diện tích 300 m²; thửa số 20, diện tích 510 m²; thửa số 37 diện tích 1.140 m², đều thuộc tờ bản đồ số 7.

[3] Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất theo mẫu đề ngày 04/10/1993 bà Ninh Thị T kê khai các thửa đất số 20, diện tích 510 m²; thửa số 21, diện tích 300 m², thửa số 37 diện tích 1.140 m², đều thuộc tờ bản đồ số 7, đơn được Hội đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã B đóng dấu xác nhận ngày 04/10/1993 (bút lục số 03). Sau khi kê khai bà T cho vợ chồng con gái, con rể là Hoàng Thị H, Nguyễn Đức M canh tác hai thửa 20, 21 xứ đồng Cửa Thường, thửa số 37 xứ đồng Năm Bung, đến năm 1999 - 2000 bà T đã lấy lại toàn bộ để canh tác.

[4] Năm 2000 bà T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân xã B, được T3 xóm xác nhận ngày 10/5/2000, UBND xã B xác nhận 05/6/2000. Ngày 27/6/2000 Ủy ban nhân dân xã B có biên bản kiểm tra thực địa. Nội dung kiểm tra thực địa xác định các thửa đất kê khai không có tranh chấp, mốc giới rõ ràng, các thửa đất kê khai đều thuộc tờ bản đồ số 7, bản đồ 299 gồm các thửa: 20, 21, 22, 32, 37, tổng diện tích là 4.325 m². Sau khi kiểm tra thực địa, Ủy ban nhân dân xã B đã hướng dẫn bà T viết Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, Hội đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đóng dấu xác nhận ngày 27/6/2000 (bút lục số 04, 05, 06).

[5] Sau khi lấy lại toàn bộ các thửa đất cho vợ chồng bà H canh tác, bà T kê khai và cho một số người cấy rẽ đối với 2 thửa đất ở xứ đồng Cửa Thường, gồm: Chị Nguyễn Thị H1, bà Trần Thị T4, ông Trần Văn Đ1 cho đến tháng 10/2021 vợ chồng bà H, ông M chiếm giữ. Năm 2015, phát hiện các thửa đất nêu trên Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông M, bà T có đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền. Ngày 27/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định số 6553/QĐ – UBND, Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Ninh Thị T có nội dung: Giấy chứng nhận quyền sử dụng Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Hoàng Thị H ngày 10/11/1994 không đảm bảo quy định, vì lý do đơn xin cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ghi tên bà Hoàng Thị H ngày 06/4/1994 không phải do bà Hoàng Thị H kê khai mà do cán bộ địa chính xã viết, đơn không có chữ ký của bà Hoàng Thị H... Việc bà H nêu ông nội bà chia cho 09 sào ruộng vào năm 1990 là không có căn cứ.

Ngày 09/01/2017 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 50/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M, xác định: Trong việc thiết lập hồ sơ; thẩm định để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký ngày 25/6/1998 cho ông Nguyễn Đức M có những sai sót, trong đó: Trong giấy chứng nhận cấp trùng 03 thửa đất đã cấp cho bà Hoàng Thị H là vợ ông M là các thửa 20, 21, 37, tờ bản đồ số 7. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/6/1998 mang tên ông Nguyễn Đức M, xã B là trái với quy định của pháp luật dẫn đến việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bản đồ giải thửa sang bản đồ địa chính xã B cũng bị sai quy định.

Ngày 17/3/2017 Ủy ban nhân dân huyện Đ Quyết định số 1154/ QĐ – UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/6/1998 mang tên Nguyễn Đức M, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Đức M. Ngày 15/9/2017 Ủy ban nhân dân huyện Đ Quyết định số 5293/QĐ- UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/11/1994 mang tên Hoàng Thị H.

[6] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H và ông M trình bày về nguồn gốc đất do ông nội là Quan Hán M1 cho và sử dụng sau đó kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy: Về thời gian sử dụng đất, bà H, ông M1 khai không thống nhất: Khi thì khai ông nội cho năm 1990, khi thì xác định cho năm 1991, khi thì khai cho năm 1992. Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, bà H, ông M1 không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, ông Quan Hán M1 chết tháng 02/1992, trước đó ruộng đất chưa được lấy lại từ Hợp tác xã, ông Quan Hán M1 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc đã kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 1993, khi xã B triển khai việc kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H, ông M1 không kê khai, chỉ có bà Ninh Thị T kê khai các thửa đất đã công hữu vào hợp tác xã, bà đã nhận lại và canh tác trong đó có các thửa đất tranh chấp.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, ông M1 phải thu hoạch cây trồng trên đất để trả lại 03 thửa đất cho bà T là có căn cứ, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị H.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có cơ sở, nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Hoàng Thị H không được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc 300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm

02/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003087 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu